

# Dự báo kinh tế thế giới trong giai đoạn 2016-2020 và đánh giá một số tác động đến kinh tế Việt Nam

LƯƠNG VĂN KHÔI\*  
TRẦN THỊ THƯ HÀ\*\*

Viễn cảnh kinh tế thế giới đến năm 2020 sẽ có nhiều thay đổi với nhiều xu thế quan trọng, tích cực và rủi ro đan xen. Việc theo dõi những diễn biến của kinh tế thế giới, đặc biệt những nước là đối tác kinh tế lớn và quan trọng của Việt Nam, có ý nghĩa quan trọng trong công tác hoạch định chính sách kinh tế thời gian tới.

## TRIỂN VỌNG KINH TẾ THẾ GIỚI GIAI ĐOẠN 2016-2020

Bức tranh kinh tế thế giới năm 2015 là bức tranh đa mầu sắc, các nền kinh tế phát triển đã trở nên sáng sủa hơn khi những nỗ lực trong việc điều hành chính sách kinh tế phần nào đạt được kết quả mong muốn, song lại tăng trưởng chậm lại tại nhiều nền kinh tế đang nổi và đang phát triển. Mặc dù vậy, với sự phục hồi của

phần lớn các nền kinh tế dẫn dắt đà tăng trưởng của kinh tế thế giới, như: Mỹ, châu Âu và Nhật Bản cùng với sự phục hồi của các lĩnh vực quan trọng, như: đầu tư và triển vọng tăng trưởng thương mại khi hàng loạt hiệp định thương mại tự do xuyên vùng và xuyên khu vực đã và đang được ký kết và đang được đàm phán sẽ là bước tạo đà cho nền kinh tế thế giới lấy lại nhịp tăng trưởng cho giai đoạn 2016-2020.

IMF (tháng 10/2015) dự báo kinh tế thế giới sẽ tăng trưởng ở mức 3,1% vào năm 2015, 3,6% vào năm 2016. Đến năm 2020, IMF dự báo kinh tế thế giới tiếp tục tăng trưởng ở mức 4,0%. Bằng việc sử dụng mô hình NiGEM, với sự cập nhật tình hình kinh tế thế giới đến hết tháng 10/2015, tốc độ tăng trưởng kinh tế trung bình của thế giới được dự báo sẽ đạt mức 3,86% cho giai đoạn 2016-2020 (Bảng 1).

*Triển vọng kinh tế các nước và khu vực trụ cột*

Kinh tế Mỹ năm 2015 tiếp tục cải thiện, thị trường việc làm phục hồi mạnh với tỷ lệ thất nghiệp giảm xuống còn 5,3% trong tháng 06/2015. Sự hồi phục của kinh tế Mỹ dự báo sẽ tiếp tục trong những năm tới do những khó khăn của nền kinh tế này sau khủng hoảng tài chính toàn cầu đã được khắc phục. Thị trường

BẢNG 1: TRIỂN VỌNG TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ THẾ GIỚI 2016-2020 (%)

Năm	Thế giới	EU28	Eurozone	Mỹ	Trung Quốc	Nhật Bản	Đức	Pháp
2015	2,98	1,82	1,51	2,64	6,91	0,71	1,60	1,07
2016	3,42	1,86	1,67	2,84	6,61	1,38	1,90	1,44
2017	4,05	2,21	1,93	2,91	6,43	0,88	1,69	1,77
2018	3,98	2,01	1,72	2,95	5,96	0,75	1,31	1,53
2019	3,97	1,95	1,73	3,06	5,82	1,04	1,23	1,51
2020	3,89	1,81	1,63	3,00	5,84	0,92	1,16	1,46
<b>2016-2020</b>	<b>3,86</b>	<b>1,97</b>	<b>1,74</b>	<b>2,95</b>	<b>6,13</b>	<b>0,99</b>	<b>1,46</b>	<b>1,54</b>

Năm	Anh	Nga	Ấn Độ	Brazil	Nam Phi	Giá dầu TG (a)	Thương mại TG (b)
2015	2,39	-4,19	7,57	-2,88	1,54	53,56	3,2
2016	2,27	0,20	7,69	-0,58	3,11	57,86	5,4
2017	2,65	3,25	7,73	2,41	4,35	59,49	5,2
2018	2,64	3,86	7,27	3,16	4,08	60,69	4,7
2019	2,47	4,77	6,92	3,20	3,52	61,91	4,8
2020	2,43	4,61	6,58	2,83	3,17	63,16	4,8
<b>2016-2020</b>	<b>2,49</b>	<b>3,34</b>	<b>7,24</b>	<b>2,20</b>	<b>3,64</b>	<b>60,62</b>	<b>4,98</b>

Nguồn: Tính toán của các tác giả và trích từ cơ sở dữ liệu mô hình NiGEM V3.15-b

Ghi chú: (a) thương mại hàng hóa và dịch vụ; (b) giá dầu thế giới trung bình của giá dầu Brent và dầu Dubai (USD/thùng)

\* TS., \*\* ThS., Trung tâm Thông tin và Dự báo Kinh tế - Xã hội Quốc gia | Email: vkluong@yahoo.co.uk





bất động sản và chứng khoán Mỹ đang dần ổn định trở lại. Tốc độ tăng trưởng của Mỹ dự báo đạt 2,64% trong năm 2015 và tăng lên 2,84% vào năm 2016 so với mức tăng 2,39% của năm 2014. Với việc nền kinh tế tiếp tục đi đúng hướng và thị trường lao động diễn biến tích cực, nền kinh tế Mỹ dự báo vẫn là nền kinh tế lớn nhất thế giới và là động lực tăng trưởng của toàn cầu. Tốc độ tăng trưởng kinh tế trung bình giai đoạn 2016-2020 của Mỹ được dự báo sẽ đạt mức 2,95%.

Kinh tế **châu Âu** tiếp tục phục hồi khá vào nửa cuối năm 2015 và trong giai đoạn trung hạn, đà phục hồi tăng trưởng khu vực này sẽ tương đối bền vững. Những nhân tố phục hồi của kinh tế khu vực này bao gồm: tiêu dùng gia tăng mạnh do giá dầu thấp; chính sách nới lỏng tài khóa tiền tệ; kim ngạch xuất khẩu nội khối và ngoại khối tăng trưởng mạnh. Tăng trưởng kinh tế khu vực EU-28 và Eurozone giai đoạn 2016-2020 dự báo đạt mức trung bình lần lượt là 1,97% và 1,74%.

Kinh tế **Nhật Bản** dự báo phục hồi khiêm tốn ở mức 0,71% năm 2015 và tăng lên mức 1,38% năm 2016 do tác động tiêu cực của chính sách tăng thuế tiêu dùng của Thủ tướng Abe Shinzo vào tháng 04/2014. Ngân hàng Trung ương Nhật Bản cũng hạ dự báo tăng trưởng GDP của Nhật Bản năm 2015 xuống còn 1,7% và dự báo tăng trưởng GDP của năm 2016 là 1,5%. Trong trung hạn, đầu tư tư nhân và đà tăng trưởng xuất khẩu sẽ là động lực thúc đẩy sự phục hồi của nền kinh tế này, song tốc độ tăng trưởng GDP trung bình của Nhật Bản giai đoạn 2016-2020 được dự báo sẽ ở mức 0,99% và nước này sẽ vẫn đối mặt với việc giải quyết mức nợ công cao ngất ngưởng trong nhiều năm tới.

Kinh tế **Trung Quốc** được dự báo sẽ có xu hướng tăng trưởng chậm lại trong giai đoạn 2016-2020. Tăng trưởng của nền kinh tế quy mô thứ hai thế giới được dự báo sẽ ở mức 6,61% trong năm 2016 (giảm so với mức 6,91% năm 2015) và trung bình giai đoạn 2016-2020 là 6,13%/năm. Một điều đáng lưu ý là, kinh tế Trung Quốc có thể được coi là cỗ máy gây bất ổn cho kinh tế thế giới trong thời gian tới, bởi những rủi ro và nguy cơ lớn đến từ thị trường chứng khoán, thị trường bất động sản và thị trường tài chính tiền tệ nước này. Bên cạnh đó, hiện giá nhân công tại Trung Quốc đã

tăng cao, trong khi Trung Quốc đang chuyển từ nền kinh tế dựa vào giá nhân công rẻ sang nền kinh tế phát triển ở trình độ cao hơn, song lao động chủ yếu là trình độ phổ thông, nên chưa bắt kịp với những thay đổi của chính sách vĩ mô. Các yếu tố này đã và đang khiến dòng vốn ngoại có xu hướng rút khỏi thị trường Trung Quốc, làm cho dự trữ ngoại hối của nước này nhiều khả năng sẽ sụt giảm mạnh, gây bất ổn kinh tế vĩ mô. Nếu những điều trên xảy ra, Trung Quốc sẽ là khởi nguồn của một cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới mới với mức độ tàn phá mạnh hơn gấp nhiều lần cuộc khủng hoảng tài chính, suy giảm kinh tế toàn cầu vừa qua và khủng hoảng nợ công hiện nay.

Tốc độ tăng trưởng của **các nền kinh tế đang nổi** nhìn chung có xu hướng phục hồi khá từ năm 2016 đến năm 2025, dự báo sẽ ở mức trên 4% trong giai đoạn 2015-2020, tăng so với mức trung bình 3,4% giai đoạn 2011-2015 do sự phục hồi của các nền kinh tế dẫn dắt đà tăng trưởng của kinh tế thế giới và sự nổi lên của nền kinh tế Ấn Độ. Trong đó, khu vực Đông và Nam Á cùng với Tiểu vùng Sahara được dự báo sẽ có tốc độ tăng trưởng cao, song thấp so với mức 5,1% của giai đoạn trước khủng hoảng do sự suy giảm tăng trưởng của các nền kinh tế đang nổi và đang phát triển, đặc biệt là Trung Quốc. Ấn Độ sẽ có tốc độ tăng trưởng tương đối ổn định với tốc độ trung bình là 7,24% ở giai đoạn 2016-2020, trong khi kinh tế Brazil dự báo sẽ đạt tốc độ tăng trưởng trung bình 2,20%. Trong khi đó, với nhiều khó khăn khi giá dầu thế giới giảm sâu, cùng với tác động của trừng phạt phương Tây, tăng trưởng của nền kinh tế Nga trong năm 2015 được dự báo sẽ giảm mạnh ở mức -4,19%, những năm tiếp theo phục hồi dần với mức trung bình đạt 3,34%/năm giai đoạn 2016-2020.

#### **Triển vọng các lĩnh vực chính**

**Thương mại thế giới** được dự báo sẽ tăng trưởng ở mức 4,98% trong giai đoạn 2016-2020. Tuy nhiên, nếu xét đến tác động của Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP), thì mức tăng trưởng về thương mại có thể sẽ lớn hơn rất nhiều khi các thành viên tham gia Hiệp định này chi phối đến 40% thương mại toàn cầu. Trong giai đoạn tới, thương mại nội khối châu Á sẽ có tầm ảnh hưởng lớn đến cầu thế giới. Khu vực Trung Đông, Bắc Mỹ và Tiểu vùng Sahara sẽ có những thay đổi đáng kể trong việc mở cửa thương mại, do đó, khu vực này sẽ đóng vai trò lớn trong việc lắp ráp và sản xuất hàng hóa. Trong các mặt hàng xuất khẩu, máy móc và linh kiện vận tải sẽ tiếp tục đóng vai trò quan trọng. Bên cạnh đó, các nước phát triển sẽ tiếp tục thận trọng trong việc xuất khẩu dịch vụ sang khu vực châu Á - Thái Bình Dương, điều này sẽ giúp thương mại, dịch vụ được phát triển nhanh chóng.

Triển vọng **dòng vốn đầu tư** toàn cầu trong trung hạn sẽ phụ thuộc vào triển vọng tăng trưởng của các nước và các điều kiện tài chính tiền tệ toàn cầu. Khi chính sách tiền tệ tại các nước thu nhập cao được bình thường hóa trở lại, mức lãi suất trên toàn cầu sẽ tăng dần. Sự hồi phục của nền kinh tế Mỹ và Cục Dự trữ



Liên bang Mỹ tăng lãi suất (tháng 12/2015) sẽ thúc đẩy dòng vốn đầu tư gián tiếp đổ vào nền kinh tế Mỹ. Trong khi đó, dòng vốn đầu tư vào các nền kinh tế đang phát triển và đang chuyển đổi dự báo sẽ dịch chuyển phần nào sang các nước phát triển có lãi suất cao hơn. Triển vọng tăng trưởng kinh tế chậm lại của kinh tế Trung Quốc và Nga, cùng với "bong bóng" chứng khoán của Trung Quốc hiện nay dự báo cũng sẽ ảnh hưởng tiêu cực tới dòng vốn đầu tư đổ vào các nền kinh tế đang phát triển. Theo dự báo của World Bank (tháng 06/2015), tỷ lệ dòng vốn quốc tế đổ vào các quốc gia đang phát triển/GDP sẽ giảm từ 5,4% năm 2014 xuống 5,1% GDP vào năm 2015; còn 5,0% vào năm 2016 và 4,8% vào năm 2017.

Dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài dự báo sẽ tiếp tục xu hướng hồi phục sau khủng hoảng tài chính toàn cầu, mặc dù mức độ hồi phục chưa thực sự bền vững. UNCTAD (tháng 07/2015) nhận định, dòng vốn FDI toàn cầu dự báo sẽ phục hồi lên 1,4 nghìn tỷ USD năm 2015, 1,5 nghìn tỷ USD vào năm 2016 và 1,7 nghìn tỷ USD vào năm 2017.

Lĩnh vực tài chính tiền tệ sẽ còn biến động mạnh trong trung hạn. Thâm hụt ngân sách của các nền kinh tế trên thế giới sẽ cải thiện nhiều hơn, nhưng nợ công sẽ vẫn ở mức cao, đặc biệt là nợ công của các nền kinh tế phát triển. Cụ thể, thâm hụt ngân sách tại Mỹ là 3,8% vào năm 2016 và 3,9% năm 2020, nhưng nợ công vẫn gần như không có nhiều cải thiện, với 104,9% và 104,3% GDP vào năm 2016 và 2020. Nợ công trung bình của các nền kinh tế khu vực Eurozone được dự báo ở mức 92,4% GDP và 84,2% vào năm 2016 và 2020. Đáng lo ngại nhất vẫn là kinh tế Nhật Bản, mức nợ công được dự báo vẫn tiếp tục tăng, với các mức lần lượt là 247% GDP và 251,6% GDP vào năm 2016 và 2020.

Bên cạnh đó, thị trường tiền tệ thế giới sẽ vẫn đối mặt với tình trạng biến động không ngừng. Giá cả các đồng tiền chính sẽ tiếp tục thay đổi kèm theo xu hướng can thiệp trực tiếp vào thị trường ngoại hối của các quốc gia đang không ngừng gia tăng. Rủi ro về chiến tranh tiền tệ đã được cảnh báo và sẽ tiếp tục có nguy cơ lớn hơn trong giai đoạn tới.

Giá cả hàng hóa có xu hướng giảm so với năm 2014 do giá dầu giảm mạnh. Nguyên nhân gây ra tình trạng giá dầu thấp là do quan hệ cung - cầu về dầu, khủng hoảng địa chính trị... Việc tăng sản lượng tại các nước xuất khẩu dầu lớn trên thế giới như Iran đang đẩy nhanh hoạt động khoan tại giếng dầu lớn nhất, mà quốc gia Hồi giáo này cùng chia sẻ với Iraq, để bắt kịp với sản lượng khai thác của quốc gia láng giềng ở phía Tây; OPEC quyết định để tiềm lực thị trường quyết định giá dầu và các nước chủ chốt của OPEC tối đa hóa sản lượng khai thác để giữ thị phần; sản lượng khai thác dầu đá phiến Mỹ tăng mạnh; và sự suy giảm tăng trưởng kinh tế Trung Quốc khiến nhu cầu về dầu của nước này giảm mạnh. Theo dự báo mới nhất của IMF, giá dầu trung bình thế giới sẽ ở mức 51,35 USD/thùng cho cả giai đoạn 2015-2020. Trong đó: năm 2015 là 50,92 USD/thùng; năm 2016: 41,97 USD/thùng; năm

2017: 48,21 USD/thùng; năm 2018: 52,48 USD/thùng; năm 2019: 56,06 USD/thùng; năm 2020: 58,05 USD/thùng. Tuy nhiên, trong trung hạn, giá dầu thế giới biến động theo cung - cầu thị trường về dầu, tác động của khủng hoảng địa - chính trị thế giới, sự phát triển của công nghệ khai thác dầu, sự phát triển của năng lượng tái tạo. Và, sự trở lại thị trường dầu mỏ thế giới của Iran sau khi phương Tây gỡ bỏ lệnh trừng phạt cũng sẽ là nhân tố quan trọng tác động tới giá dầu thế giới trong trung hạn.

Đáng nói là, với ngành công nghiệp khai thác dầu đá phiến phát triển mạnh như hiện nay, nhu cầu nhập khẩu dầu của Mỹ từ các nước thuộc OPEC không còn nhiều. Khi công nghệ ngày càng cải tiến, chi phí khai thác giảm và việc Quốc hội Mỹ xóa bỏ lệnh cấm xuất khẩu dầu mỏ ra thế giới, mở đường cho nước này xuất khẩu dầu ra thế giới với lượng lớn sẽ là yếu tố tác động mạnh đến giá dầu thế giới giảm.

Mặt khác, các nước OPEC đang tạo sức ép lên ngành công nghiệp khai thác dầu đá phiến của Mỹ bằng giá dầu rẻ, nhằm triệt hạ ngành này. Hiện sản lượng khai thác dầu của các nước thuộc tổ chức OPEC vẫn không giảm ngay cả khi giá dầu thế giới giảm sâu.

Trong khi đó, tình hình kinh tế của nhiều nước giảm tốc. Đặc biệt là Trung Quốc khiến nhu cầu về dầu giảm mạnh. Bên cạnh đó, nước xuất khẩu dầu lớn, như: Nga, Trung Đông, Na Uy, Trung Đông và châu Phi đang suy giảm mạnh, hoặc rơi vào suy thoái. Nguồn thu từ dầu giảm sẽ tác động trực tiếp đến cầu trong nước, từ đó tác động đến nền kinh tế phát triển do cầu về hàng hóa của các quốc gia này từ các nền kinh tế phát triển giảm. Dẫn chứng dễ nhận thấy nhất là kinh tế Nga gặp khó khăn, thì khu vực châu Âu (EU-28) cũng bị ảnh hưởng, do Nga và EU-28 là những đối tác thương mại quan trọng của nhau.

## TÁC ĐỘNG ĐẾN KINH TẾ VIỆT NAM

Bối cảnh kinh tế thế giới đến năm 2020 được đánh giá khá thuận lợi trên toàn thế giới, cũng như phần lớn các khu vực và nền kinh tế lớn. Mặc dù còn những rủi ro, nhưng triển vọng trong trung hạn là khá sáng sủa, kinh tế thế giới đã dần thoát khỏi tác động tiêu cực





của cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu năm 2008 và nhiều khả năng sẽ trở lại đà tăng ổn định vào thời gian tới. Điều này sẽ là yếu tố tác động tích cực đến nền kinh tế Việt Nam, đặc biệt là trong lĩnh vực thương mại, đầu tư. Cụ thể:

#### **Về thương mại**

TPP được dự báo sẽ có tác động lan tỏa tích cực tới thương mại Việt Nam, mở ra triển vọng thương mại sáng sủa, giúp Việt Nam cân bằng được quan hệ thương mại với các khu vực thị trường trọng điểm, tránh phụ thuộc quá mức vào một khu vực thị trường nhất định. Khi tham gia vào TPP, việc xóa bỏ hàng rào thuế quan sẽ giúp ích cho cho xuất khẩu của Việt Nam. Theo Lương Văn Khôi (2015), thì hàng dệt và may mặc trang phục Việt Nam có lợi thế cạnh tranh lớn nhất và gần như không có đối thủ cạnh tranh trong thị trường các nước TPP, do đó sẽ đứng trước cơ hội lớn trong việc mở rộng thị phần trên thị trường các nước TPP, trong đó có Mỹ và Nhật Bản. Cơ hội cho các sản phẩm xuất khẩu chủ lực khác, như: thủy sản, đồ gỗ và nông sản cũng rất lớn. Thêm vào đó, Việt Nam sẽ tiếp tục được hưởng lợi lớn từ làn sóng đầu tư mới, tạo ra nhiều công ăn việc làm, hình thành năng lực sản xuất mới để tận dụng các cơ hội xuất khẩu và tham gia các chuỗi giá trị trong khu vực và toàn cầu.

Bên cạnh đó, tình hình căng thẳng Biển Đông có thể xảy ra trong tương lai, nhất là khi Trung Quốc đang có những hành động đơn phương nhằm từng bước độc chiếm biển Đông, đặc biệt là những động thái vi phạm vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa, biển đảo của Việt Nam. Nếu Việt Nam có những phản ứng tự vệ, bảo vệ chủ quyền vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa, biển đảo, thì có khả năng Trung Quốc sẽ áp đặt những hạn chế trong quan hệ thương mại giữa hai nước thời gian tới.

Hiện nay, Trung Quốc là khách hàng lớn nhất của Việt Nam (kể cả nhập khẩu và xuất khẩu), nếu Việt Nam không chủ động tìm thị trường mới, thì trường hợp xảy ra tình huống xấu, kinh tế Việt Nam sẽ gặp rất nhiều khó khăn. Trong quan hệ thương mại với Trung Quốc, Việt Nam luôn nhập siêu với mức độ ngày càng trầm trọng. Trong đó, nhập khẩu nhóm hàng công nghiệp chiếm tỷ trọng lớn là nguyên nhân gây ra tình trạng nhập siêu cao và kéo dài của nền kinh tế Việt Nam

từ Trung Quốc. Xét theo mục đích sử dụng, nhóm hàng trung gian (chủ yếu là nhóm hàng bán thành phẩm) là nguyên nhân chủ yếu gây tình trạng nhập siêu cao, kéo dài và có xu hướng ngày càng trầm trọng. Ngoài nhóm hàng tư liệu sản xuất phục vụ cho sản xuất ra chiếm 18% tổng kim ngạch nhập khẩu (KNNK) từ Trung Quốc ra, thì KNNK nhóm hàng trung gian chiếm 70% (trong đó nhóm hàng bán thành phẩm chiếm 41%, còn lại nhóm hàng linh phụ kiện là 29%).

Xét ở mức độ vĩ mô và ngành, tính toán cho thấy, nếu xét theo yếu tố tác động đến cầu nhập khẩu, thì có tới 37,7% là nhập khẩu cho tiêu dùng tư nhân; 15,6% cho tích lũy vốn; chỉ có 2,4% cho tiêu dùng chính phủ; còn lại 44,3% là cho sản xuất hàng xuất khẩu. Từ phân tích ở trên có thể suy luận, nhóm hàng bán thành phẩm (chiếm tới 41% tổng KNNK từ Trung Quốc) được nhập khẩu vào Việt Nam phần lớn là cung cấp cho nhu cầu tiêu dùng tư nhân trong nước, vì chỉ cần qua công đoạn xử lý đơn giản như lắp ráp là có sản phẩm hàng hóa hoàn chỉnh. Đây có thể được coi là hình thức trốn thuế tinh vi, mà lâu nay Việt Nam không kiểm soát và có giải pháp phù hợp, khiến sản xuất trong nước những mặt hàng này bị “bóp chết”.

Mặt khác, trong bối cảnh đồng USD tiếp tục lên giá so với nhiều đồng tiền khác trên thế giới, về phía nền kinh tế Việt Nam, do tỷ giá được neo giữ với đồng USD, nên tỷ giá được dự báo là sẽ tăng nhẹ so với đồng USD. Điều này đương nhiên sẽ gây khó khăn cho hoạt động xuất khẩu của Việt Nam trong thời gian tới.

#### **Về đầu tư**

Triển vọng tăng trưởng kinh tế tốt, môi trường đầu tư ngày càng được thuận lợi hóa và việc tham gia ngày càng tích cực vào các hiệp định thương mại và đầu tư song và đa phương dự báo sẽ thúc đẩy mạnh mẽ dòng vốn đầu tư trực tiếp trực tiếp và gián tiếp vào Việt Nam trong những năm tới. Triển vọng ký kết hiệp định TPP đã thúc đẩy các dòng vốn FDI vào Việt Nam, đặc biệt trong lĩnh vực chế tác, như: dệt may, giày dép. TPP cũng sẽ thúc đẩy làn sóng FDI và dòng vốn đầu tư gián tiếp mới từ Mỹ vào Việt Nam nhờ môi trường đầu tư trong nước được minh bạch hóa theo các tiêu chuẩn của Mỹ. Chi phí lao động của Trung Quốc tăng lên cũng là yếu tố thúc đẩy dòng vốn FDI vào lĩnh vực chế tác của Việt Nam những năm tới.

#### **Định lượng một số tác động của kinh tế thế giới tới kinh tế Việt Nam**

##### **(1) Tác động của giá dầu thế giới giảm tới kinh tế Việt Nam**

Phần này của bài báo, các tác giả lấy kịch bản dự báo giá dầu thế giới của IMF là đầu vào để đánh giá tác động của giá dầu thế giới giảm đến kinh tế Việt Nam bằng mô hình NiGEM V3.15-b. Kết quả mô phỏng cho thấy, năm 2016, tăng trưởng kinh tế Việt Nam giảm 0,51 điểm % so với kịch bản không có cú sốc giá dầu thế giới. Trong trường hợp này, kim ngạch xuất khẩu (KNXK) và KNNK giảm tương ứng là 0,61 và 0,37 điểm %, lạm phát giảm 1,68 điểm %, giá tiền đồng tăng 0,9% và ngân sách nhà nước giảm



**BẢNG 2: TÁC ĐỘNG CỦA VIỆC THAM GIA HIỆP ĐỊNH TPP TỚI MỘT SỐ CHỈ TIÊU KINH TẾ VĨ MÔ VIỆT NAM (% THAY ĐỔI SO VỚI KỊCH BẢN KHÔNG THAM GIA HIỆP ĐỊNH)**

Năm	GDP	KNXK	KNNK	Vốn hóa TTCK	Tỷ giá hối đoái đa phương thức
2016	0,05	0,09	(0,05)	0,43	(0,64)
2017	0,31	0,37	0,16	0,69	(0,81)
2018	0,65	0,79	0,54	0,96	(1,10)
2019	1,06	1,31	1,06	1,25	(1,41)
2020	1,51	1,92	1,70	1,57	(1,71)
2021	1,98	2,60	2,45	1,91	(2,01)
2022	2,46	3,33	3,29	2,27	(2,33)
2023	2,96	4,11	4,21	2,67	(2,66)
2024	3,46	4,93	5,19	3,11	(3,02)
2025	3,97	5,79	6,25	3,60	(3,40)
2026	4,49	6,66	7,36	4,14	(3,82)
2027	5,02	7,56	8,53	4,75	(4,28)
2028	5,55	8,48	9,74	5,41	(4,78)
2029	6,07	9,43	11,00	6,12	(5,34)
2030	6,58	10,39	12,30	6,87	(5,94)

Nguồn: Lương Văn Khôi (2015)

6.219 tỷ đồng. Tuy nhiên, vào các năm sau nền kinh tế được cải thiện đáng kể với các mức tăng trưởng thêm là 0,42 điểm % vào năm 2017, 0,14 điểm % năm 2016 và 0,24 điểm % năm 2020.

(2) *Tác động của Hiệp định TPP tới kinh tế Việt Nam*

Nếu Việt Nam tận dụng được những cơ hội mà TPP mang lại và thực hiện đầy đủ các cam kết khi TPP được ký kết, thì Hiệp định này sẽ có tác động rất lớn đến kinh tế - xã hội Việt Nam. Cụ thể, GDP của Việt Nam sẽ tăng thêm 0,05% trong năm 2016, 3,97% vào năm 2025 và 6,58% vào năm 2030; KNXK và KNNK tăng thêm 0,09% vào năm 2016, sau đó tăng lên thêm 5,79% năm 2025 và 10,39% năm 2030; vốn hóa trên thị trường chứng khoán cũng có mức tăng thêm khá; tỷ giá hối đoái đa phương giữa tiền Đồng và một giỏ 50 đồng tiền của các nước là đối tác thương mại quan trọng của Việt Nam giảm (Bảng 2).

## KIẾN NGHỊ CHÍNH SÁCH

Chính phủ cần theo dõi sát sao diễn biến giá dầu thế giới để có biện pháp ứng phó kịp thời, như điều chỉnh giá xăng dầu trong nước phù hợp với diễn biến

giá dầu thế giới và có chế tài để các ngành sử dụng nhiều xăng dầu như vận tải, logistics giảm giá dịch vụ để giảm chi phí đầu vào chi doanh nghiệp. Tuy nhiên, về dài hạn cần có biện pháp thích hợp để giảm sự phụ thuộc ngân sách nhà nước quá nhiều vào xuất khẩu dầu thô và củng cố khu vực kinh tế thực tăng trưởng và phát triển.

Để tận dụng được những cơ hội của Hiệp định TPP mang lại, Nhà nước cần, trước hết thực hiện đầy đủ các cam kết và cải cách thể chế, cải cách nền kinh tế, tái cấu trúc doanh nghiệp Việt Nam một cách mạnh mẽ để nền kinh tế có thể đứng vững và cạnh tranh và bổ sung tốt với các nền kinh tế TPP khác.

Để giảm thiểu sự phụ thuộc quá cao vào nền kinh tế Trung Quốc, Việt Nam cần chuyển hướng sản xuất và xuất khẩu những hàng hóa dịch vụ, mà nước ta có lợi thế cạnh tranh sang thị trường các nước khác. Tận dụng cơ hội của Hiệp định TPP để chuyển hướng nhập khẩu nguyên vật liệu đầu vào, cũng như tăng cường thu hút đầu tư từ các nền kinh tế trong TPP và các nền kinh tế phát triển khác vào những ngành có tác động lan tỏa kinh tế lớn và mũi nhọn của Việt Nam.

Đồng thời, tiếp tục tạo điều kiện thuận lợi để thu hút vốn FDI, trong đó, ưu tiên thu hút vốn FDI vào các lĩnh vực, như: công nghệ cao, công nghệ sạch, dịch vụ...

Ngoài ra, Chính phủ cần có chính sách kinh tế thương mại toàn diện để tận dụng những cơ hội này và hạn chế những thách thức đối với nền kinh tế. Trong đó, cần chú trọng đến việc giảm nhập khẩu nhóm hàng trung gian, nhất là nhóm hàng bán thành phẩm, nâng cao hàm lượng giá trị gia tăng trong sản phẩm xuất khẩu, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế. □

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lương Văn Khôi (chủ nhiệm) (2015). *Đánh giá một số tác động của Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương tới nền kinh tế Việt Nam bằng phương pháp định lượng*, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp bộ, tháng 12/2015
2. Lương Văn Khôi (2010). *Nghiên cứu ứng dụng mô hình NiGEM trong đánh giá tác động của kinh tế thế giới tới kinh tế Việt Nam*, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp bộ, tháng 04/2010
3. IMF (2015). *World Economic Outlook Adjusting to Lower Commodity Prices*, October 2015
4. World Bank (2014). *Global economic prospect, coping with policy normalization in high income country*, Jan 2014
5. World Bank (2014). *Global economic prospect: Shifting priorities, building for the future*, June 2014